

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 66 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 7 năm 2016*

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình giảm nghèo tỉnh Tuyên Quang  
giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI; Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Tập trung huy động mọi nguồn lực trong xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nội lực của bản thân các hộ nghèo, hộ cận nghèo, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội để giúp các hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số ổn định sinh kế, phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo cơ hội thuận lợi để người nghèo, cận nghèo tiếp cận trực tiếp các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các huyện, xã, thôn bản có tỷ lệ hộ nghèo cao, thu hẹp khoảng cách phát triển, mức sống giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

## **2. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân 3%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020; trong đó huyện Lâm Bình giảm trên 4%/năm;
- Toàn tỉnh không còn hộ nghèo thuộc đối tượng hộ chính sách người có công theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020;
- Phấn đấu 20% số hộ nghèo ở nhà tạm, nhà ở đơn sơ được hỗ trợ làm mới, sửa chữa nhà ở;
- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất.

*(có biểu tổng hợp kèm theo)*

## **II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI**

### **1. Đối tượng**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo có thành viên là người có công, hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo;
- Người dân và cộng đồng trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, thôn bản đặc biệt khó khăn;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

### **2. Phạm vi thực hiện**

Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên nguồn lực cho các địa bàn sau:

- Huyện nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi, xã an toàn khu;
- Thôn, bản đặc biệt khó khăn;
- Xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

## **III. NHIỆM VỤ**

**1. Tập trung sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng đối với công tác giảm nghèo, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, khắc phục những khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tính sáng tạo của các địa phương trong thực hiện chương trình giảm nghèo; đưa nội dung công tác giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy, chính quyền và là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính quyền, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.**

**2. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về thực hiện Chương trình giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều. Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Chương trình giảm nghèo; nâng cao chất lượng cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", ủng hộ xây dựng Quỹ "Vì người**

"nghèo" các cấp đạt kết quả cao. Đề cao vai trò của người dân trong công tác lập kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo, khơi dậy tinh thần chủ động và sáng tạo của cộng đồng, từ đó tạo động lực và phát huy các nguồn nội lực hiện có để phát huy hiệu quả nhất sự hỗ trợ từ bên ngoài đối với vùng nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Tích cực huy động nguồn lực, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về giảm nghèo; tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo của tỉnh phù hợp với giai đoạn mới và điều kiện nguồn lực của tỉnh, theo hướng giảm dần chính sách cho không, thực hiện các chính sách hỗ trợ gián tiếp, hỗ trợ để tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thông qua hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ tín dụng ưu đãi; thực hiện chương trình nông thôn mới.

4. Duy trì việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình giảm nghèo các cấp đối với công tác giảm nghèo. Kịp thời khắc phục những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có sai phạm trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực cho công tác giảm nghèo và trong việc triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo.

#### IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

*1.1. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện Lâm Bình*

Tập trung thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện đạt các mục tiêu đã đề ra tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện Lâm Bình giai đoạn 2013-2017; trong đó thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch, danh mục các công trình hạ tầng cần đầu tư hàng năm và giai đoạn trên địa bàn huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân dân cộng đồng tham gia vào các khâu: xây dựng kế hoạch, xác định đầu điểm công trình và tổ chức thi công, xây dựng công trình; vận động nhân dân đóng góp kinh phí, vật liệu và công lao động để xây dựng các công trình. Duy trì thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng các chương trình đã được xây dựng.

*1.2. Dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu*

Tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư từ ngân sách trung ương, kết hợp với huy động, lồng ghép các nguồn lực từ Chương trình xây dựng nông thôn

mới và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư cơ sở hạ tầng, trong đó ưu tiên tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn hoàn thành trước các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và để hỗ trợ cải thiện các điều kiện về sinh kế cho hộ nghèo, người dân tộc thiểu số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống và sản xuất, bảo đảm an ninh - chính trị, trật tự xã hội, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

### *1.3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững*

Thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ đa dạng các hình thức tạo sinh kế cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường. Trong đó tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; tạo quỹ đất sản xuất, hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư, liên kết với hộ nghèo, cận nghèo trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa, kết nối người nghèo với thị trường; hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thông tin thị trường; hỗ trợ tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y; vệ sinh an toàn thực phẩm. Khai thác tốt các thế mạnh của địa phương, vùng, miền; tạo sự chuyển biến nhanh hơn về thu nhập và đời sống cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phát huy các kênh lan tỏa thực hành trong cộng đồng thông qua nhân rộng các mô hình.

## **2. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo chung và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo**

### *2.1. Nhóm chính sách tạo điều kiện cho hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập*

#### *a) Tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo*

Củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các Tổ tiết kiệm và vay vốn của các tổ chức đoàn thể nhận ủy thác, các điểm giao dịch tại các xã, phường, thị trấn; thường xuyên rà soát các thủ tục, cơ chế cho vay, công khai hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về tín dụng ưu đãi và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội, nhằm tạo điều kiện thuận lợi, kịp thời cho các hộ gia đình trong quá trình tìm hiểu thông tin cũng như việc thực hiện các quy trình, thủ tục vay vốn và trả nợ, trả lãi tiền vay đúng quy định, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả.

Tích cực thực hiện các giải pháp huy động nguồn vốn, phấn đấu nguồn vốn tăng trưởng hàng năm đạt 8% trở lên, quản lý, điều hành tốt nguồn vốn, đáp

ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Định kỳ hàng năm cân đối, bố trí từ ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp để thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, cán bộ khuyến nông hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân vay vốn với mức vay tối đa để phát triển sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; gắn cho vay vốn với hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn theo hướng điều chỉnh cơ cấu ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất từng vùng, từng hộ.

Tiếp tục quan tâm thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas theo Quyết định 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; cho vay hỗ trợ sản xuất hàng hóa theo Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

*b) Các chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống*

Tiếp tục củng cố hệ thống khuyến nông cơ sở, có cơ chế phù hợp về tổ chức, đào tạo và sử dụng có hiệu quả đội ngũ khuyến nông các cấp trong việc giúp đỡ, hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cụ thể:

- Hướng dẫn gia đình xây dựng phương án vay vốn để sản xuất kinh doanh, cách thức tổ chức sản xuất, chi tiêu trong gia đình, đảm bảo cân đối hợp lý giữa ổn định đời sống với tái đầu tư trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao thu nhập.

- Tiếp tục triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, gắn với thực hiện các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp; chú trọng các mô hình sản xuất chuyên canh, tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá; mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Tổ tiết kiệm và vay vốn; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình kinh tế trang trại có sử dụng lao động hộ nghèo, cận nghèo; mô hình trồng trọt, chăn nuôi an toàn theo quy trình Viet Gap.

Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về khuyến công; khuyến khích và hỗ trợ để thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, các hoạt động xúc tiến thương mại nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó

khăn và đặc biệt khó khăn, triển khai có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đưa hàng hóa đảm bảo chất lượng đến các vùng nông thôn.

c) *Các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động*

Thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của tỉnh. Trong đó ưu tiên dạy nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ở khu vực nông thôn, các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, nơi chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và đô thị hóa, các xã xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nghèo, lao động thuộc diện di dân tái định cư, người dân tộc thiểu số và phụ nữ nghèo.

Nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các phiên giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề, trong đó quan tâm đến các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, tuyên truyền về xuất khẩu lao động; lựa chọn các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu lao động có tiềm năng, cho thu nhập cao tuyển dụng và đưa lao động của tỉnh đi làm việc tại nước ngoài. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động theo quy định của Luật đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Duy trì thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn và thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho lao động khu vực nông thôn, những vùng thiếu đất, hoặc ít đất sản xuất, vùng tái định cư... tạo việc làm cho người lao động thông qua việc thực hiện các dự án hoặc các hoạt động với quy mô đầu tư nhỏ trên địa bàn xã, trong đó tập trung khu vực nông thôn, khu vực khó khăn.

d) *Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất*

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về đất sản xuất, đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn theo các quy định hiện hành.

Thực hiện tốt các biện pháp ổn định đời sống và phát triển sản xuất, đặc biệt là đất sản xuất, nước sản xuất cho các hộ dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang và các hộ dân phải di chuyển, tái định cư phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**2.2. Nhóm chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản**

a) *Chính sách hỗ trợ về giáo dục - đào tạo*

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học, ưu tiên đầu tư trước cho các xã nghèo, thô, bản đặc biệt khó khăn đạt chuẩn về trường học theo tiêu chí nông thôn mới. Duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học phổ thông;

cùng cố và phát triển hệ thống trường nội trú, bán trú, tạo điều kiện học tập thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Tiếp tục thực hiện dự án hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, các dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn, giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn.

Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên nghèo, sinh viên thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn và các chính sách hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh ở vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, học sinh học bán trú, học sinh mầm non theo quy định của Trung ương, của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, đào tạo, vận động các tổ chức đoàn thể và nhân dân tạo điều kiện cho con hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn đến trường bằng nhiều hình thức, đảm bảo cho mọi trẻ em được học tập.

#### b) Chính sách hỗ trợ y tế

Tích cực thực hiện việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, trong đó chú trọng tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình. Gắn trách nhiệm vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã, đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế; phấn đấu đến hết năm 2020 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 100%.

Duy trì và phát triển Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo đã được thành lập theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 28/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh. Nghiên cứu ban hành quy định trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, gắn với việc vận động thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Tăng cường đầu tư cho Trạm Y tế xã, phường đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng, duy trì 100% Trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, cùng với việc củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn bản, để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú.

c) *Chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở*

Tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 26/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân cùng với Quỹ "Vì người nghèo" các cấp hỗ trợ xây dựng nhà, sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo đang ở nhà đơn sơ, nhà dột nát. Trong đó ưu tiên giải quyết trước đối tượng hộ nghèo là hộ chính sách người có công, chủ hộ là người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, và các hộ nghèo tại các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Triển khai hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Phần đầu đến năm 2020 giảm tỷ lệ nhà ở đơn sơ toàn tỉnh xuống còn 8%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo ở nhà đơn sơ còn dưới 30%; diện tích nhà ở bình quân  $23,2m^2$ /người, diện tích nhà ở tối thiểu  $9,6m^2$ /người, trong đó giảm tỷ lệ chỉ số thiếu hụt về diện tích nhà ở của hộ nghèo xuống còn dưới 20%. Tiếp tục nghiên cứu thực hiện chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh.

d) *Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường*

Tiếp tục huy động nguồn lực thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường cho nhân dân; duy trì thường xuyên các phong trào vệ sinh môi trường tại các vùng nông thôn; triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, phần đầu đến năm 2020 có ít nhất 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Vận động nhân dân xây dựng 3 công trình vệ sinh ở nông thôn (nhà tắm, nhà tiều, xử lý chất thải chăn nuôi), gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới về môi trường. Phần đầu đến năm 2020 có 85% các hộ nông dân ở nông thôn có nhà xí hợp vệ sinh; tỷ lệ thiếu hụt chỉ số hố xí, nhà tiều hợp vệ sinh trong hộ nghèo giảm xuống còn dưới 30%.

*d) Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, thông tin*

Xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung thông tin tuyên truyền nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội, giảm tỷ lệ mất cân đối về nhu cầu hưởng thụ thông tin giữa khu vực thành thị và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; bảo đảm dân chủ ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Đài Phát thanh và Truyền hình các huyện, thành phố, các điểm Bưu điện văn hóa xã, hạ tầng về viễn thông ở vùng nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được tiếp cận thông tin qua hệ thống internet, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng điện thoại, được tiếp cận thông tin và xem truyền hình thường xuyên.

*e) Trợ giúp pháp lý cho người nghèo*

Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo Kế hoạch 58/KH-UBND ngày 12/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả.

Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật.

**2.3. Thực hiện các chính sách trợ giúp khác**

Duy trì thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các chế độ, chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, gắn với thực hiện giảm nghèo bền vững, trong đó quan tâm đến các dân tộc ít người, trình độ dân trí còn hạn chế; công tác định canh, định cư, bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, ổn định dân di cư tự do, dân cư trú trong các khu rừng đặc dụng.

Thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình đồi sônh nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiên đói lương thực, những hộ gặp tai nạn, rủi ro, thiên tai...

Chủ động thực hiện phương án đối phó, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trên diện rộng trong địa bàn toàn tỉnh, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, giúp người dân kịp thời khắc phục thiệt hại, ổn định sản xuất, đời sống khi có thiên tai xảy ra.

### **3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng trong giảm nghèo**

Tích cực phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo, tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

- Tuyên truyền Chương trình giảm nghèo đến các tầng lớp nhân dân, vận động sự tham gia của cộng đồng xã hội chung tay thực hiện, hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững. Đặc biệt phát huy vai trò tương thân tương ái trong cộng đồng doanh nghiệp, của các cơ quan, đơn vị, gia đình, dòng họ trong việc huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng cách nhận lao động nghèo vào làm việc tại các doanh nghiệp theo khả năng trình độ của người nghèo; hỗ trợ về cây con giống, khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo trong sản xuất, chăn nuôi; hỗ trợ ngày công lao động cho những hộ gia đình neo đơn, thiên lao động.

- Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là những người có uy tín trong cộng đồng cùng thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phân công cán bộ của các cấp hội, đoàn thể theo dõi, giúp đỡ đoàn viên, hội viên nghèo, giám sát hộ nghèo sử dụng vốn vay và các nguồn lực được hỗ trợ để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống

- Phối hợp ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các tệ xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy và đánh bạc. Xử lý nghiêm các trường hợp cho vay nặng lãi,

lôi kéo nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo tham gia kinh doanh đa cấp trái phép và lợi dụng sự khó khăn để thu mua đất sản xuất, đất ở của hộ nghèo nhằm trục lợi.

- Triển khai có hiệu quả cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" gắn với tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí và ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân.

- Nêu cao vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo tại địa phương.

#### **4. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo giảm nghèo và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp**

Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo các cấp, cùng với việc phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên; tăng cường phân cấp, gắn với giao trách nhiệm cho các cấp trong thực hiện chương trình, trong đó, phân cấp và giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xác định đối tượng được thụ hưởng chính sách và triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn xã, cùng với sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sử dụng và lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, đặc biệt là cán bộ cấp xã và thôn bản; tổ chức đối thoại chính sách với người dân, xác định nhu cầu và nâng cao năng lực tham gia của người dân vào Chương trình.

#### **5. Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

Nâng cao chất lượng rà soát, nắm chắc thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, đảm bảo chính xác, đúng đối tượng, thường xuyên cập nhật các chỉ số thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo để có các giải pháp giảm nghèo phù hợp, bền vững.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, duy trì chế độ thông tin, báo cáo giữa các cấp; nghiên cứu bối cảnh kinh phí thiết lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo trực tuyến từ cấp xã đến tỉnh.

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm, một phần được cân đối từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tích cực thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình kinh tế xã hội khác trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu giảm nghèo.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo giảm nghèo cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, triển khai thực hiện điều tra, lập danh sách và quản lý đối tượng hộ nghèo, cận nghèo; xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, cận nghèo trực tuyến đến cấp xã. Trong đó hướng dẫn việc rà soát nguyên nhân chính dẫn đến nghèo, từ năm 2017 thực hiện việc giao kế hoạch giảm nghèo theo nguyên nhân chính dẫn đến nghèo.

Hướng dẫn thực hiện các dự án, đề án về đào tạo nghề và giải quyết việc làm; nâng cao năng lực và giám sát đánh giá; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả.

Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện giảm nghèo trên địa bàn tỉnh theo quy định. Hàng năm, thực hiện sơ kết thực hiện kế hoạch giảm nghèo gắn với thi đua khen thưởng kịp thời.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Có trách nhiệm cân đối, bố trí nguồn lực phục vụ Chương trình giảm nghèo của tỉnh theo kế hoạch hàng năm; đưa chỉ tiêu giảm nghèo vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh từng năm và giai đoạn.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện Lâm Bình.

### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và các ngành có liên quan bố trí kinh phí cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; giám sát, kiểm tra, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí giảm nghèo đúng mục đích, có hiệu quả.

### **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án về phát triển sản xuất nông lâm, ngư, nghiệp; hướng dẫn hộ nghèo áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi; phát triển các ngành nghề nông thôn; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phối hợp xây dựng phát triển các tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp có sự tham gia của người nghèo, hộ nghèo, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ khuyến nông thôn, bón trong việc giúp đỡ, hướng dẫn các hộ gia đình xây dựng phương án sản xuất, chăn nuôi vay vốn, sử dụng nguồn vốn, tổ chức sản xuất; theo dõi chi tiêu trong gia đình để thoát nghèo bền vững.

Hướng dẫn triển khai thực các quy hoạch, kế hoạch về hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm, nghiệp, đặc biệt là các chương trình thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

## 5. Ban Dân tộc

Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình 135; dự án định canh, định cư; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và các chính sách dân tộc khác liên quan đến giảm nghèo.

## 6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tham mưu đảm bảo nguồn vốn và thực hiện cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định của nhà nước. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các hộ mạnh dạn vay vốn với mức tối đa để đầu tư sản xuất có hiệu quả cao hơn.

## 7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; các chính sách hỗ trợ khác đối với học sinh nghèo, học sinh ở vùng sâu, vùng xa; tham mưu duy trì và phát triển hệ thống trường nội trú, bán trú, các dự án liên quan đến phổ cập giáo dục, hỗ trợ giáo dục vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

## 8. Sở Y tế

Chủ trì triển khai thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người nghèo. Đẩy mạnh công tác truyền thông về kế hoạch hóa gia đình cho các hộ nghèo gắn với thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo quy định.

Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí triển khai thực hiện Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo; đầu tư cơ sở vật chất, củng cố đội ngũ cán bộ y tế cấp xã đảm bảo hoàn thành mục tiêu xã đạt chuẩn về y tế.

## 9. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, hướng dẫn lập danh sách để nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; tích cực rà soát diễn biến tăng giảm thẻ bảo hiểm y tế các đối tượng, không để bị cấp trùng thẻ, thu hồi thẻ đối với những đối tượng đã chết, đã chuyển đi nơi khác.

## **10. Sở Xây dựng**

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo và người có thu nhập thấp.

## **11. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin; hướng dẫn các cơ quan báo, đài trên địa bàn tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng, ý nghĩa của Chương trình giảm nghèo; tuyên truyền về các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo; tuyên truyền về kết quả hoạt động của Chương trình, từ đó nâng cao trách nhiệm về thực hiện công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

## **12. Sở Tư pháp**

Chủ trì triển khai Chương trình trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế khác.

## **13. Sở Công Thương**

Chủ trì, tham mưu và hướng dẫn thực hiện Chương trình khuyến công gắn với giảm nghèo; phối hợp với các ngành tham mưu thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào các ngành, nghề, làng nghề trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Tổ chức hướng dẫn thực hiện vấn đề xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm đặc trưng, sản phẩm truyền thống, nông sản, hàng hóa của nhân dân, hộ nghèo để giúp phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững cho các địa phương trên địa bàn tỉnh.

## **14. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với các ngành triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo; triển khai thực hiện chương trình vệ sinh môi trường nông thôn; có các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo môi trường bền vững cho nhân dân sản xuất, góp phần giảm nghèo.

## **15. Sở Nội vụ**

Phối hợp thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp xã và thôn bản.

## **16. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Tham mưu các giải pháp nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với bản sắc và truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, gắn với tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về giảm nghèo. Phối hợp triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

## **17. Ban Điều phối Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh**

Thực hiện lòng ghép các hoạt động của dự án vào Chương trình giảm nghèo, trong đó đẩy mạnh hỗ trợ phát triển các chuỗi giá trị, thành lập các tổ hợp tác trong sản xuất, kinh doanh.

## **18. Cục Thống kê tỉnh**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức điều tra và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; hướng dẫn về nghiệp vụ điều tra và xử lý báo cáo các dữ liệu thực trạng nghèo của tỉnh.

## **19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tỉnh**

Xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động "*Ngày vì người nghèo*", ủng hộ xây dựng Quỹ "*Vì người nghèo*" hàng năm, triển khai sử dụng nguồn Quỹ vận động được đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

Tuyên truyền, vận động toàn thể đoàn viên, hội viên và đồng bào nhân dân tích cực tham gia thực hiện giảm nghèo bền vững. Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, thương yêu dùm bọc trong các khu dân cư, thôn bản; phát huy tinh thần nghĩa xóm, trong cộng đồng, trong dòng họ nhằm giúp nhau khắc phục khó khăn, giảm nghèo bền vững gắn với Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*"; tích cực vận động thực hiện nếp sống mới, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, gây lãng phí.

Tham gia giám sát, kiểm tra đánh giá việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ công khai từ cơ sở, khu dân cư; giám sát việc thực hiện các chính sách, dự án về giảm nghèo.

## **20. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan khác**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị, có trách nhiệm triển khai, thực hiện kế hoạch phù hợp; vận động cán bộ, chiến sỹ, người lao động thuộc đơn vị tham gia các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## **21. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ dự kiến thoát nghèo hàng năm; quản lý nắm chắc diễn biến hộ nghèo trên địa bàn, đặc biệt nắm chắc thực trạng, nguyên nhân chính dẫn đến nghèo của các hộ nghèo.

Căn cứ tình hình thực tế để xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hàng năm thực hiện việc giao chỉ tiêu và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch giảm hộ nghèo theo nguyên nhân chính dẫn đến nghèo. Xây dựng kế hoạch xóa hộ chính sách người có công nghèo trên địa bàn đảm bảo đạt mục tiêu đề ra trong kế hoạch này.

Chỉ đạo, hướng dẫn rà soát, vận động hộ nghèo, cận nghèo đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo và lập danh sách hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo hàng năm để tập trung các giải pháp hỗ trợ thoát nghèo bền vững.

Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch giảm nghèo với các chương trình, đề án và kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, hàng năm việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn theo quy định.

Tổ chức huy động, vận động các nguồn lực và thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp của Chương trình giảm nghèo theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn chuyên môn của các sở, ban, ngành liên quan. Bố trí ngân sách để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo và thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác quản lý, triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo.

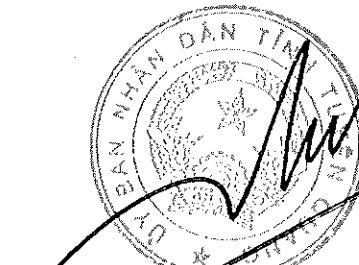
Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để tổng hợp) để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Lao động-TB và XH;  
Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Huyện, Thành ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban VH - XH; Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trưởng, phó các Phòng NCTH;
- Lưu VT, VX (Tùng).

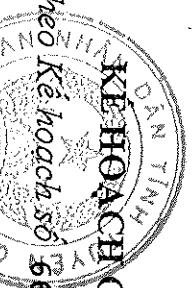
} (báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Anh

**KẾ HOẠCH GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 56 /KH-UBND ngày 29 /7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*



Số TT	Huyện, thành phố	Đầu năm 2016		Cuối năm 2016		Cuối năm 2017		Cuối năm 2018		Cuối năm 2019		Cuối năm 2020		Mức giảm BQ 5 năm						
		Tổng số hộ gia đình	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ tỷ lệ hộ nghèo (%)																
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	10	11	12=11/10	13	14	15=14/13	16	17	18=17/16	19=3- 18/5
1	Lâm Bình	7.329	4.455	60,79	7.413	4.210	56,79	7.472	3.894	52,11	7.532	3.575	47,46	7.592	3.260	42,94	7.653	2.999	39,19	4,32
2	Na Hang	10.109	5.063	50,08	10.149	4.697	46,28	10.240	4.312	42,11	10.332	3.915	37,89	10.425	3.504	33,61	10.498	3.154	30,04	4,01
3	Chiêm Hoá	33.459	12.117	36,21	33.559	10.917	32,53	33.827	9.651	28,53	34.098	8.377	24,57	34.371	7.079	20,60	34.612	5.876	16,98	3,85
4	Hàm Yên	29.875	9.989	33,44	29.817	8.939	29,98	30.026	7.884	26,26	30.236	6.828	22,58	30.448	5.770	18,95	30.661	4.789	15,62	3,56
5	Yên Sơn	43.621	11.446	26,24	43.752	10.020	22,90	44.058	8.617	19,56	44.366	7.324	16,51	44.677	5.918	13,25	44.990	4.675	10,39	3,17
7	TP. T. Quang	28.483	749	2,63	28.568	699	2,45	28.825	549	1,90	29.084	419	1,44	29.346	314	1,07	29.581	239	0,81	0,36
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>200.762</b>	<b>55.827</b>	<b>27,81</b>	<b>201.288</b>	<b>49.939</b>	<b>24,81</b>	<b>202.814</b>	<b>43.900</b>	<b>21,65</b>	<b>204.353</b>	<b>37.902</b>	<b>18,55</b>	<b>205.905</b>	<b>31.816</b>	<b>15,45</b>	<b>207.384</b>	<b>26.389</b>	<b>12,72</b>	<b>3,02</b>

